TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2024
Về việc "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

2. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thuỷ Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 518/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST – HNGĐ ngày 15/01/2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ NP, sinh năm 1983
Địa chỉ: 74 chung cư số 05 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
2.Bị đơn: Ông Cao NT, sinh năm 1979
Địa chỉ: 74 chung cư số 05 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tôn Nữ NP trình bày như sau:

Bà Tôn Nữ NP và ông Cao NT tự nguyện đăng ký kết hôn có Giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân cấp ngày 14/02/2008. Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là Cao Ngọc MK2, sinh ngày 22/03/2009 và Cao Ngọc MK, sinh ngày 19/6/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Sau đó giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng chồng chất do tính tình không phù hợp với nhau, quan điểm về cuộc sống gia đình khác nhau hoàn toàn. Mặc dù nhiều lần tự bản thân hai bên tìm cách hòa giải nhưng điều không hiệu quả. Hố ngăn cách ngày càng lớn, không thể kéo dài tình trạng hôn nhân được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 01 năm 2018, xảy ra xung đột giữa hai vợ chồng, sau trận cãi vã lớn tiếng kịch liệt thì ông Cao NT bỏ nhà ra đi, bà và ông NT đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao NT.

- Về con chung: Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Cao Ngọc MK2, sinh ngày 22/3/2009 và Cao Ngọc MK, sinh ngày 19/6/2014. Về cấp dưỡng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Cao NT đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo hòa giải và giấy triệu tập, thông báo kết quả phiên họp của Tòa án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tại phiên toà hôm nay:

- Bà Tôn Nữ NP có đơn xin vắng mặt, ông Cao NT vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành quy định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Tôn Nữ NP khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Cao NT nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Cao NT cư trú tại số 74 chung cư số 05 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Tôn Nữ NP có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Cao NT đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lí do.

Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 14 do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân cấp ngày 14/02/2008 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Tôn Nữ NP và ông Cao NT là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân Gia đình.

Bà Tôn Nữ NP và ông Cao NT đã sống ly thân. Theo bà NP quá trình chung sống bà và ông NT xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau nên bà NP yêu cầu ly hôn với ông NT.

Qua xác minh tại Công an Phường 2, Quận 3 nơi bà NP và ông NT cư trú, được biết hiện nay bà NP và ông NT không còn chung sống với nhau do mâu thuẫn gia đình. Quá trình giải quyết vụ án bà NP kiên quyết ly hôn với ông NT, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà NP và ông NT đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều không có thiện chí hàn gắn.

Đối với ông Cao NT, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông NT cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà NP, vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã thể hiện ông NT không mong muốn hòa giải với bà NP.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng bà NP đã không còn tình cảm với ông NT, còn ông

NT bỏ mặc không quan tâm đến việc giải quyết vụ án, không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà NP là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Tôn Nữ NP đối với ông Cao NT.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 49, quyển số 01/2009 ngày 21/4/2009 và giấy khai sinh số 81/2014 ngày 02/7/2014 thể hiện ông Cao NT và bà Tôn Nữ NP có hai con chung là Cao Ngọc MK2, sinh ngày 22/3/2009 và Cao Ngọc MK, sinh ngày 19/6/2014.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà NP đều có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai trẻ Cao Ngọc MK2 và Cao Ngọc MK. Về cấp dưỡng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*"

Xét việc cả hai con chung đều đang do bà Tôn Nữ NP đang trực tiếp nuôi dưỡng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, trẻ Cao Ngọc MK2 và Cao Ngọc MK đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nhằm đảm bảo cho các trẻ được ổn định cuộc sống, có điều kiện tốt nhất để phát triển về mọi mặt, nên giao hai trẻ cho bà NP trực tiếp trông nom, chăm sóc, giao dục và nuôi dưỡng là phù hợp nên căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà NP về việc giao hai trẻ Cao Ngọc MK2 và Cao Ngọc MK cho bà NP trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, bà NP không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà NP là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Tôn Nữ NP không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Tôn Nữ NP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm , thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ NP.

1.1.Về hôn nhân: Bà Tôn Nữ NP ly hôn với ông Cao NT.

1.2.Về con chung: Giao bà Tôn Nữ NP trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Cao Ngọc MK2, sinh ngày 22/03/2009 và Cao Ngọc MK, sinh ngày 19/6/2014.

Bà Tôn Nữ NP không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cao NT được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông NT thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp giữ nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3.Về tài sản chung: Bà Tôn Nữ NP không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Tôn Nữ NP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0002241 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3 là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Bà Tôn Nữ NP đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Tôn Nữ NP và ông Cao NT được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- UBND phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Nguyễn Gia Phước

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyến Đặng Thị Ngọc Hằng Bùi Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyến Đặng Thị Ngọc Hằng Bùi Duy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q3, TP.HCM;
- Chi cục THA Dân sự Q3;
- Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Duy